

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Biển Động, huyện Lục Ngạn,  
tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 334/BC-SXD ngày 25/8/2021; UBND huyện Lục Ngạn tại Tờ trình 652/TTr-UBND ngày 09/8/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000), với các nội dung chính như sau:

### 1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

#### a) Vị trí, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu bao gồm toàn bộ diện tích của xã Biển Đông, huyện Lục Ngạn; ranh giới nghiên cứu được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn.
- Phía Nam: Giáp xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn và xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động
- Phía Đông: Giáp xã Cẩm Đàn, Quế Sơn và Chiên Sơn huyện Sơn Động.
- Phía Tây: Giáp xã Tân Hoa huyện Lục Ngạn.

#### b) Quy mô:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch dự kiến khoảng 1.854,22ha;
- Quy mô dân số đến năm 2035 khoảng 15.510 người (*quy mô dân số sẽ được tính toán cụ thể trong quá trình lập quy hoạch*).

### 2. Tính chất:

- Là trung tâm tiêu vùng phía Đông Bắc huyện Lục Ngạn.
- Là đô thị vệ tinh, chuyên ngành, phát triển công nghiệp, đầu mối, dịch vụ sinh thái, cộng đồng gắn với nông nghiệp công nghệ cao và văn hóa bản địa.

### 3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật định hướng nghiên cứu áp dụng theo tiêu chuẩn đô thị loại V và tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch đến 2035
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu đất XDĐT đối với khu dân dụng</b>		
1.1	Đất đơn vị ở trung bình	m <sup>2</sup> /người	≤55
1.2	Đất cây xanh đô thị tối thiểu	m <sup>2</sup> /người	≥ 4
<b>II</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>		
2.1	Tỷ lệ đất giao thông chính đô thị tối thiểu	% đất XD khuĐT	≥ 13
2.2	Mật độ đường giao thông chính tối thiểu	km/km <sup>2</sup>	6,5-4,0
2.3	Chỉ tiêu cấp nước tối thiểu:		
	- Nước sinh hoạt (Qsh)	l/người/ng.đ	≥ 80
	- Nước tưới cây, rửa đường	%Qsh	≥ 8

	- Nước cho sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp	%Qsh	≥ 8
	- Nước cho công trình công cộng	%Qsh	≥ 10
2.4	Chỉ tiêu cấp điện tối thiểu		
	- Điện sinh hoạt	Kwh/người. năm	1.000
	- Điện chiếu sáng công cộng	% Điện sinh hoạt	30
	- Điện công trình công cộng	% Điện sinh hoạt	30
2.5	Chỉ tiêu thoát nước thải tối thiểu		
	- Nước thải sinh hoạt	l/người/ng.đ	Căn cứ theo tiêu chuẩn cấp nước
	- Nước thải công trình công cộng	%Qsh	
2.6	Chỉ tiêu tính toán thải rác tối thiểu		
	- Rác thải sinh hoạt	kg/ng/ng.đ	0,8

#### 4. Các yêu cầu nghiên cứu:

##### a) Nguyên tắc:

- Kế thừa, khớp nối các dự án, quy hoạch đã được UBND tỉnh, UBND huyện phê duyệt, các dự án dự kiến phát triển mới về kinh tế - xã hội của Huyện và quy hoạch chung toàn khu vực giai đoạn đến năm 2035;

- Xem xét mối liên kết phát triển kinh tế - xã hội của khu vực lập quy hoạch với vùng phụ cận;

- Xem xét mối liên kết hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực thị trấn với khu vực phụ cận trong tương lai.

b) Định hướng phát triển đô thị: Thu thập các tài liệu, số liệu, các dự án có liên quan và đánh giá thực trạng về điều kiện tự nhiên, hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân cư; quỹ đất xây dựng; tình hình xây dựng của khu vực cũng như những tác động phát triển kinh tế - xã hội - hạ tầng kỹ thuật của khu vực để từ đó đưa ra phương án tổ chức không gian hợp lý.

##### c) Yêu cầu về tổ chức không gian:

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị: khu chính trang, cải tạo, khu bảo tồn, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển;

- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng phát triển đối với từng khu chức năng;

- Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị;

- Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

*d) Yêu cầu về các công trình đầu mối và tổ chức hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:*

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật;

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

*e) Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:*

Đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện theo các giai đoạn đến năm 2025 và 2035.

*f) Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch:* Nội dung theo quy định quản lý theo Khoản 1 Điều 35 của Luật Quy hoạch đô thị.

**5. Hồ sơ sản phẩm:** Tuân thủ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị.

## **6. Tổ chức thực hiện, kế hoạch thực hiện:**

*a) Tổ chức thực hiện:*

Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang;

Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Bắc Giang;

Cơ quan chủ đầu tư: UBND huyện Lục Ngạn.

*b) Kế hoạch thực hiện:* Thời gian hoàn thành lập đồ án không quá 9 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

*c) Kinh phí, nguồn vốn thực hiện:*

- *Kinh phí:* Tổng chi phí tạm tính khoảng **2.963.288.000** đồng

(Hai tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng)

- *Nguồn vốn:* Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hỗ trợ khác.

**Điều 2.** UBND huyện Lục Ngạn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**